

Họ tên học sinh: ..... Lớp: .....

**PHIẾU TRẢ LỜI:** Học sinh dùng tích vào đáp án đúng, không khoanh vào đề

Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
1	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	11	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	21	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	12	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	22	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	13	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	23	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	14	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	24	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	15	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	25	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	16	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	26	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	17	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	27	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	18	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	28	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	19	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					
10	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	20	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (7 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất

**Câu 1:** Trung du miền núi Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

- A. mạng lưới sông ngòi dày đặc, thủy chế theo mùa.
- B. sông có lưu lượng nước lớn, giàu phù sa.
- C. sông nhỏ, ngắn dốc, nhiều thác ghềnh.
- D. địa hình dốc, sông có lưu lượng nước lớn.

**Câu 2:** Nơi có thể trồng rau ôn đới, sản xuất hạt giống quanh năm và trồng hoa xuất khẩu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Mẫu Sơn (Lạng Sơn).
- B. Sa Pa (Lào Cai).
- C. Mộc Châu (Sơn La).
- D. Đồng Văn (Hà Giang).

**Câu 3:** Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- B. Tăng cường xuất khẩu lao động.
- C. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.
- D. Mở rộng các hoạt động dịch vụ.

**Câu 4:** Khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.
- B. thiếu nguồn nước tưới vào mùa khô.
- C. thị trường ngoài nước chưa được mở rộng.
- D. thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.

**Câu 5:** . Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thế mạnh kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Lao động có chuyên môn kỹ thuật tập trung phần lớn ở nông thôn.
- B. Nguồn lao động dồi dào, chất lượng hàng đầu cả nước.
- C. Cơ sở hạ tầng vào loại tốt nhất so với các vùng trong cả nước.
- D. Là nơi tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống.

**Câu 6:** Hạn chế lớn nhất đối với việc phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thiên tai thường xảy ra. B. người dân thiếu kinh nghiệm.  
C. cơ sở vật chất kĩ thuật chưa đồng bộ. D. thiếu nguyên liệu.

**Câu 7:** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 và 5, em hãy cho biết huyện đảo Lý Sơn thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Bình Định. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Phú Yên.

**Câu 8:** : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 3 - 4, cho biết tỉnh nào sau đây ở nước ta **không** giáp biển?

- A. Hải Phòng B. Ninh Bình C. Quảng Ninh D. Hải Dương

**Câu 9:** Dựa vào trang 22 và trang 10 Atlas Địa lí Việt Nam, nhà máy thủy điện Trị An được xây dựng trên

- A. sông Hồng. B. sông Đà. C. Đồng Nai. D. sông Lô.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Hải Phòng. B. Hạ Long. C. Thái Nguyên. D. Bắc Giang

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết vùng kinh tế nào sau đây **không** có khu kinh tế cửa khẩu?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và 25, em hãy cho biết cửa khẩu quốc tế Bờ Y thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Trị. B. Kon Tum. C. Điện Biên. D. Tây Ninh.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về các ngành công nghiệp điện lực ở nước ta?

- A. Nhà máy nhiệt điện Phả Lại có công suất dưới 1000 MW.  
B. Số nhà máy thủy điện ở miền Nam nhiều hơn ở miền Bắc.  
C. Hai nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất cả nước đều được xây dựng trên sông Đà.  
D. Các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam chủ yếu chạy bằng dầu hoặc khí.

**Câu 14:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21 cho biết những trung tâm công nghiệp nào dưới đây ở nước ta có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Biên Hòa, Vũng Tàu. B. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.  
C. Cần Thơ, Thủ Dầu Một. D. Hải Phòng, Đà Nẵng.

**Câu 15:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về hạn chế chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp  
B. Chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lụt  
C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm.  
D. Mật độ dân số nhỏ hơn nhiều lần so với cả nước.

**Câu 16:** Việc sử dụng hợp lí đất nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ cần phải chú ý đến

- A. trồng rừng chắn gió và cát.  
B. đẩy mạnh thâm canh tăng vụ.  
C. quy hoạch sử dụng hợp lí đất chuyên dùng.  
D. phát triển thủy lợi để nâng cao hệ số sử dụng đất.

**Câu 17:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển Thiên Cầm nằm ở tỉnh nào thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình .

**Câu 18:** Hiện nay, sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên được đẩy mạnh là nhờ

- A. phát triển vùng chuyên canh, ổn định nguồn nguyên liệu.
- B. tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường.
- C. tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài.
- D. mở rộng thủy điện, đảm bảo đủ năng lượng cho sản xuất.

**Câu 19:** Huyện đảo Côn Cỏ nằm ở tỉnh nào của nước ta?

- A. Quảng Trị
- B. Quảng Ngãi
- C. Quảng Nam
- D. Quảng Bình

**Câu 20:** Đặc điểm nào gây khó khăn nhất cho sự phát triển kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ ?

- A. Thiếu đội ngũ nhân công lành nghề.
- B. Trữ lượng khoáng sản ít.
- C. Thiên tai thường xuyên xảy ra, cơ sở hạ tầng thấp kém.
- D. Thiếu nguồn vốn đầu tư.

**Câu 21:** Căn cứ vào trang 24 Atlas địa lí Việt Nam, em hãy cho biết trong các mặt hàng xuất khẩu của nước ta mặt hàng chiếm tỉ trọng lớn nhất của nước ta?

- A. Công nghiệp nặng và khoáng sản.
- B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- C. Nông, lâm sản.
- D. Thủy sản.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 22, cho biết cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam nước ta hiện nay là gì?

- A. than bùn.
- B. than đá.
- C. dầu mỏ.
- D. dầu mỏ và khí tự nhiên.

**Câu 23:** Để phát triển tốt ngành chăn nuôi ở Đồng bằng sông Hồng, vấn đề quan trọng nhất là

- A. lai tạo nhiều giống mới.
- B. áp dụng quy trình chăn nuôi mới.
- C. giải quyết tốt cơ sở thức ăn và mở rộng quy mô.
- D. đầu tư vốn, áp dụng KHKT cho ngành chăn nuôi.

**Câu 24:** Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thường được phân bố ở các đô thị lớn nhằm tận dụng lợi thế về

- A. nguồn lao động dồi dào và cơ sở hạ tầng hiện đại.
- B. nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- C. nguồn lao động dồi dào có trình độ chuyên môn cao.
- D. tiện lợi giao thông trong vận chuyển nguyên liệu và hàng hoá.

**Câu 25:** Cho bảng số liệu sau đây:

**BIẾN ĐỔI DIỆN TÍCH RỪNG VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG Ở NƯỚC TA,  
GIAI ĐOẠN 1990-2013**

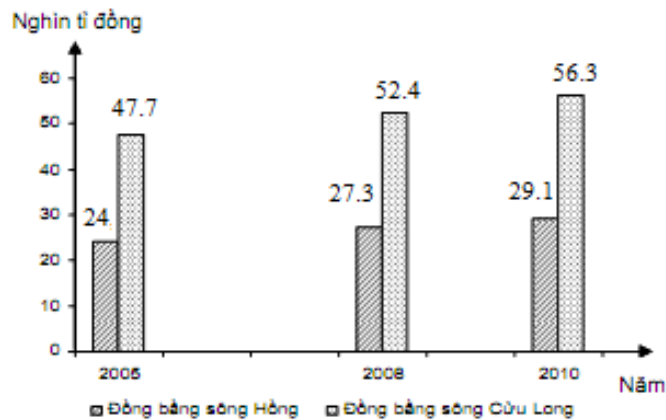
Năm	Tổng diện tích rừng (triệu ha)	Trong đó		Tỉ lệ che phủ rừng (%)
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
1990	9,2	8,4	0,8	27,8
2000	10,9	9,4	1,5	33,1
2005	12,4	9,5	2,9	37,7
2013	13,9	10,4	3,5	41,0

Để vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến đổi diện tích rừng và độ che phủ rừng ở

nước ta giai đoạn 1990 -2013. Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ kết hợp
- B. Biểu đồ cột nhóm
- C. Biểu đồ miền
- D. Biểu đồ tròn

**Câu 26.** Cho biểu đồ:



**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là **không đúng** về giá trị sản xuất nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2005 - 2010

- A. Giá trị sản xuất nông nghiệp của hai đồng bằng đều tăng.
- B. Giá trị sản xuất nông nghiệp của ĐBSH tăng nhanh hơn ĐBSCL.
- C. Giá trị sản xuất nông nghiệp của ĐBSCL lớn hơn nhiều so với ĐBSH
- D. Giá trị sản xuất nông nghiệp của ĐBSCL nhỏ hơn nhiều so với ĐBSH.

**Câu 27.** Cho bảng số liệu sau đây:

**SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO  
NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA, GIAI  
ĐOẠN 2005 - 2014**

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Đường hàng không
2005	12,8	1 173,4	156,9	6,5
2010	11,2	2 132,3	157,5	14,2
2014	12,0	2 863,5	156,9	24,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây **đúng** về sự thay đổi số lượt hành khách vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Đường sắt tăng liên tục.
- B. Đường bộ có xu hướng giảm.
- C. Đường thủy giảm liên tục.
- D. Đường hàng không tăng liên tục.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết Việt Nam có giá trị nhập khẩu hàng hóa trên 6 tỉ đô la Mỹ với quốc gia nào sau đây?

- A. Hoa Kỳ.
- B. Trung Quốc.

C. Ôxtrâylia.

D. Liên bang Nga.

**II. TỰ LUẬN (3 điểm):** Học sinh vẽ biểu đồ vào giấy kiểm tra

**Cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2005 – 2015**

(Đơn vị: %)

Khu vực kinh tế	Năm			
	2005	2010	2013	2015
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông – lâm – thủy sản	57,3	49,5	47,4	46,7
Công nghiệp – xây dựng	18,2	20,9	21,3	21,2
Dịch vụ	24,5	29,6	31,3	32,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2005 – 2015 và rút ra nhận xét.

-----Hết-----

*Học sinh được sử dụng Atlas địa lí Việt Nam để làm bài*